

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Ngày 31/12/2025	35,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.2%	-2.3%	19.5%

DT thuần Q4/25
27.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.40 -13.8%
YoY: ▲ 5.70 26.0%

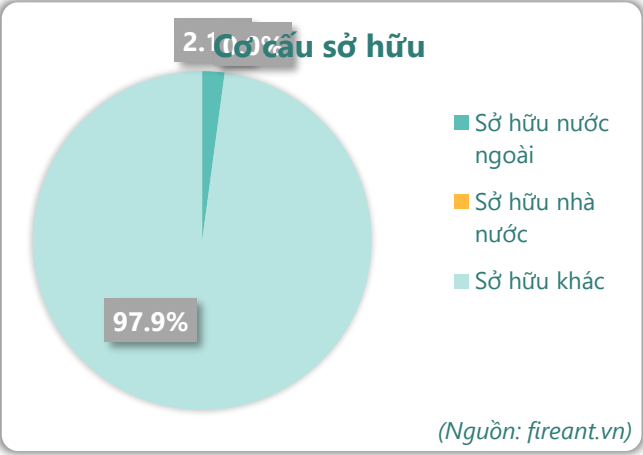
LN thuần Q4/25
2.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.71 -80.2%
YoY: ▲ 2.04 584%

LN sau thuế Q4/25
3.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.76 -71.2%
YoY: ▲ 1.61 105%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
36.6%
YoY: +/-▲ 10.1%

ROE 2025
7.2%
YoY: +/-▲ 2.4%

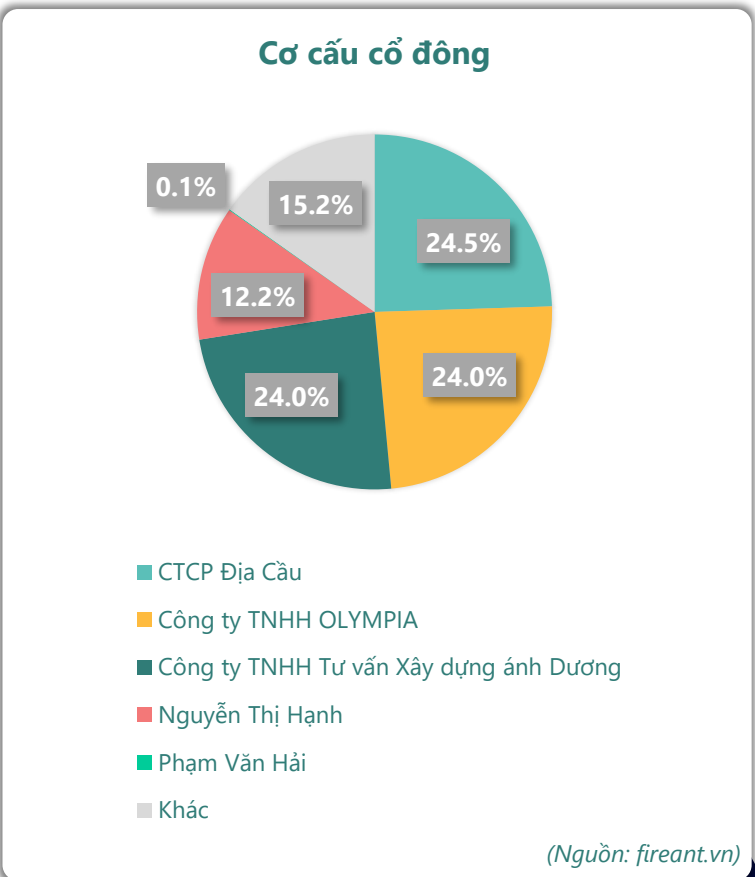
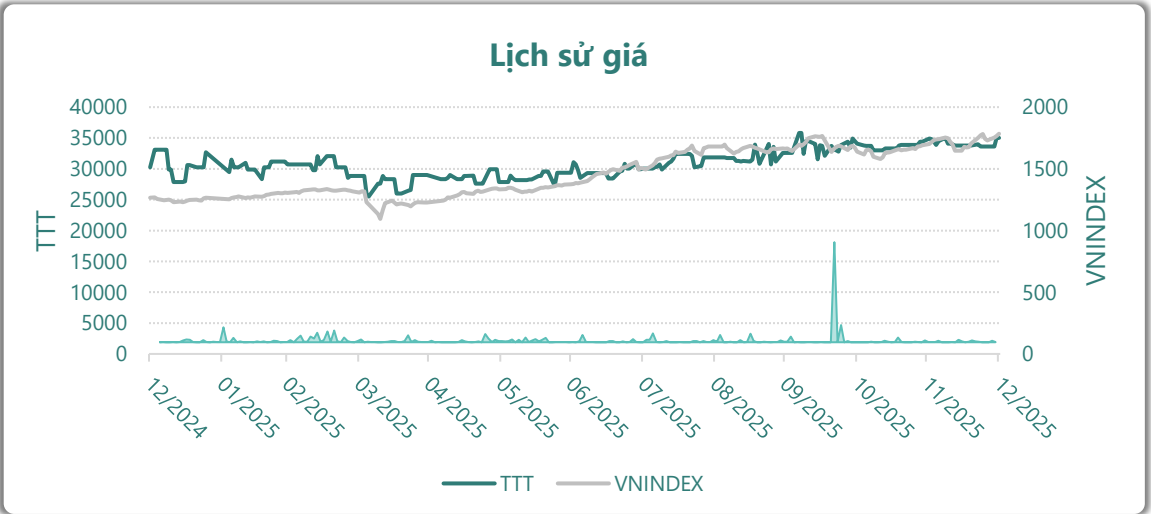
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	25,516 - 35,818
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
Số lượng CPLH (CP)	4,570,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,106
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.28
EPS	7,304
P/E	4.8



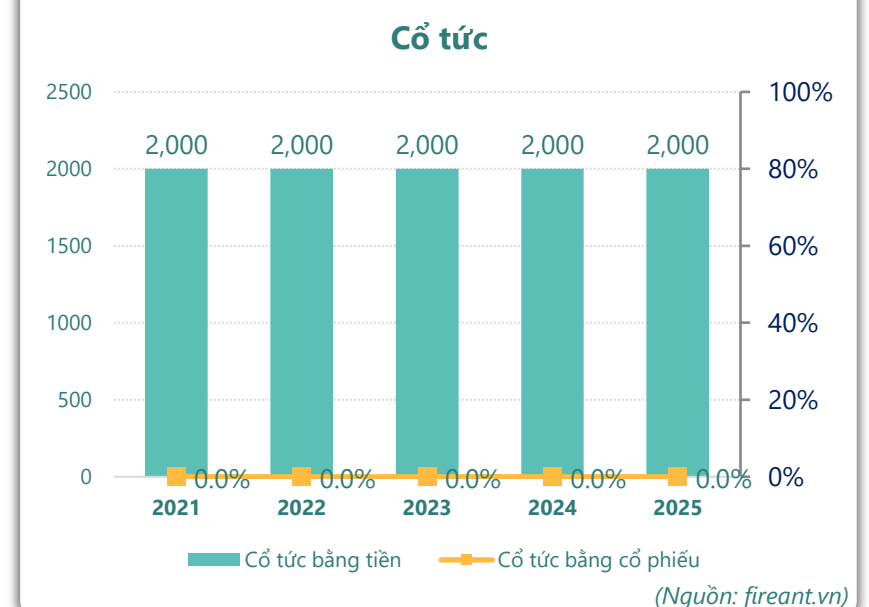
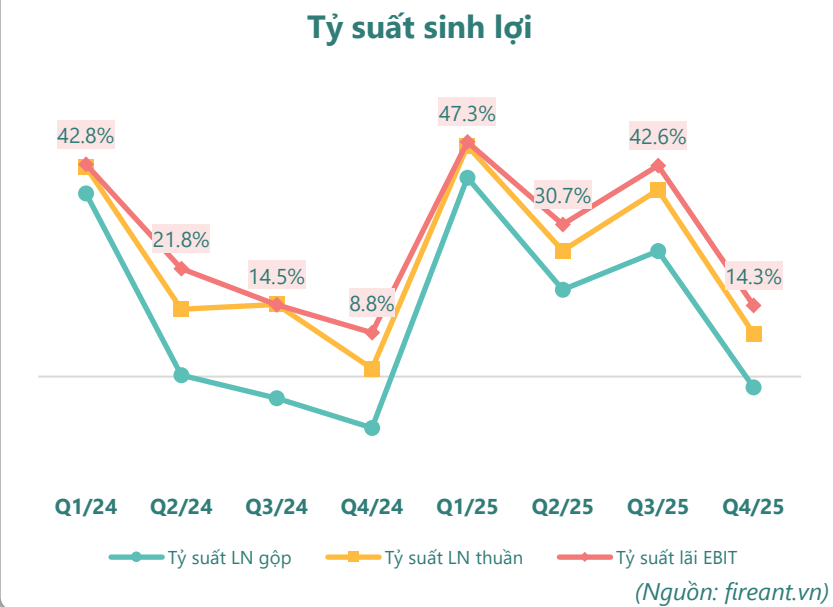
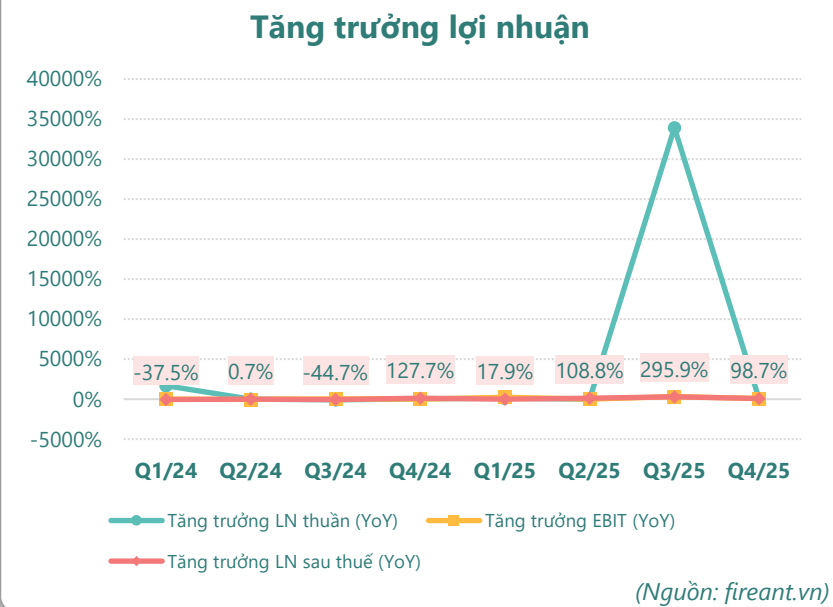
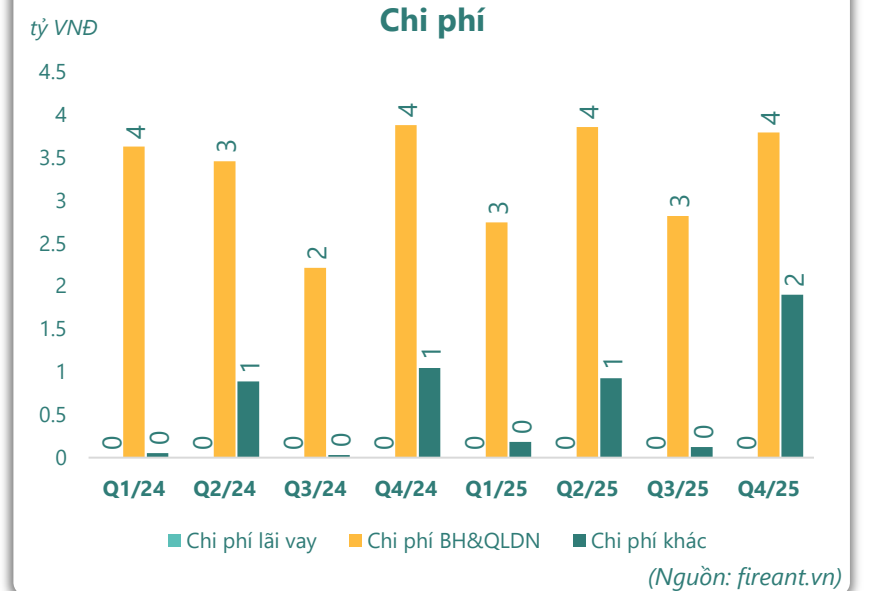
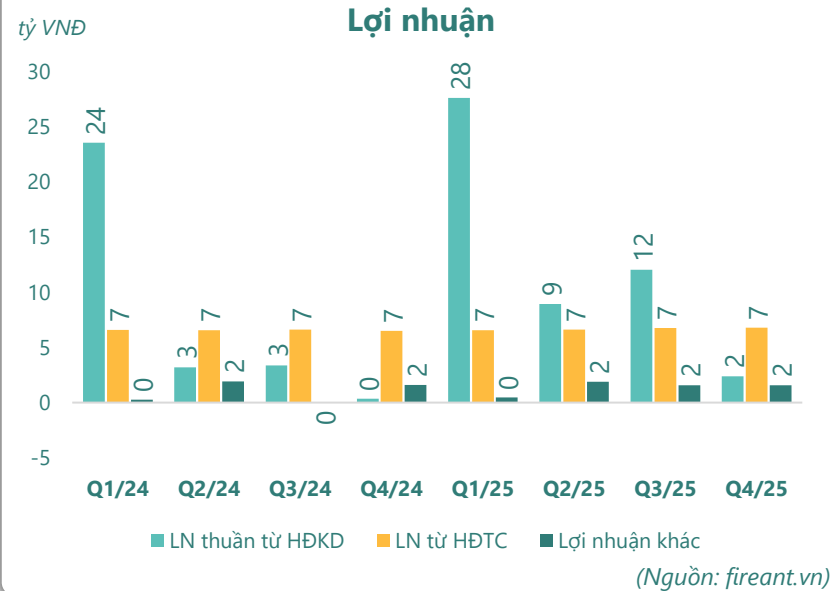
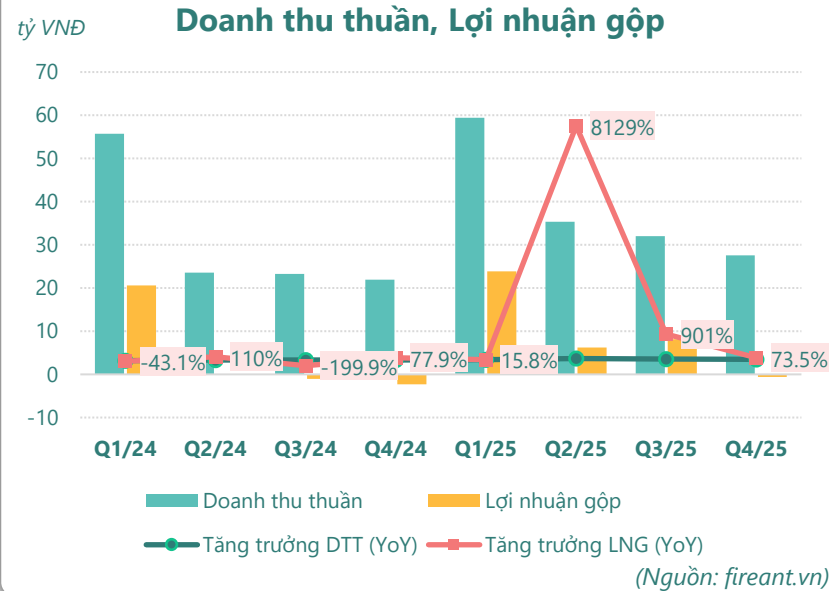
DT thuần 2025
154
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.0 24.0%

LN thuần 2025
51.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.9 74.8%

LN sau thuế 2025
45.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.8 71.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH



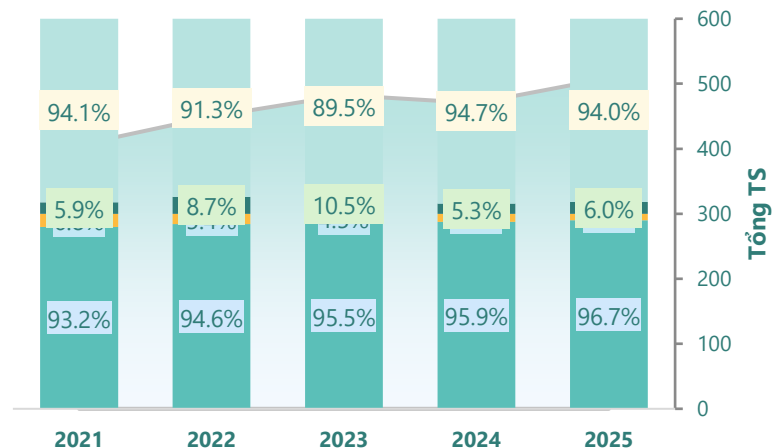


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

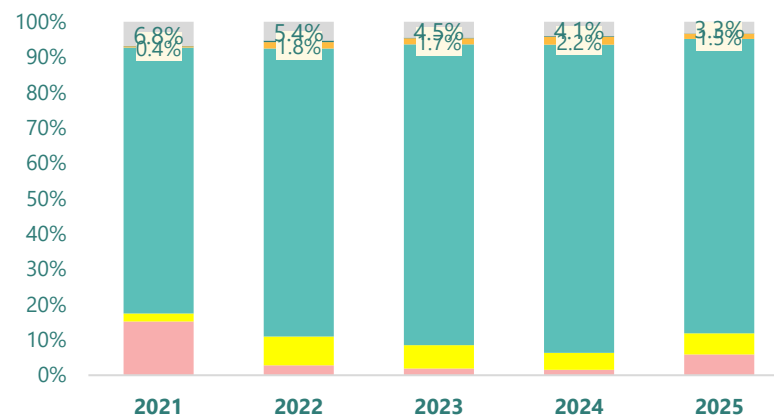
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

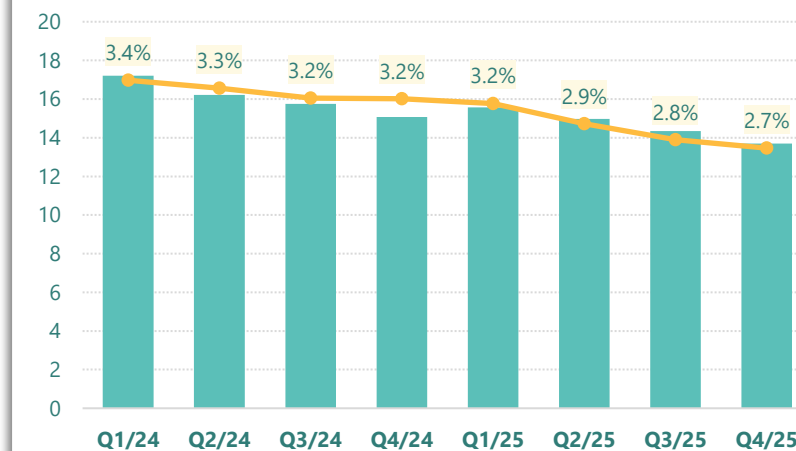


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

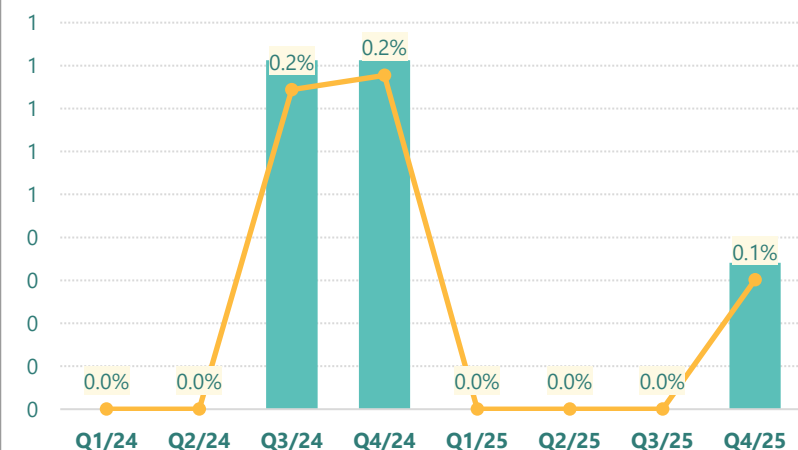


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

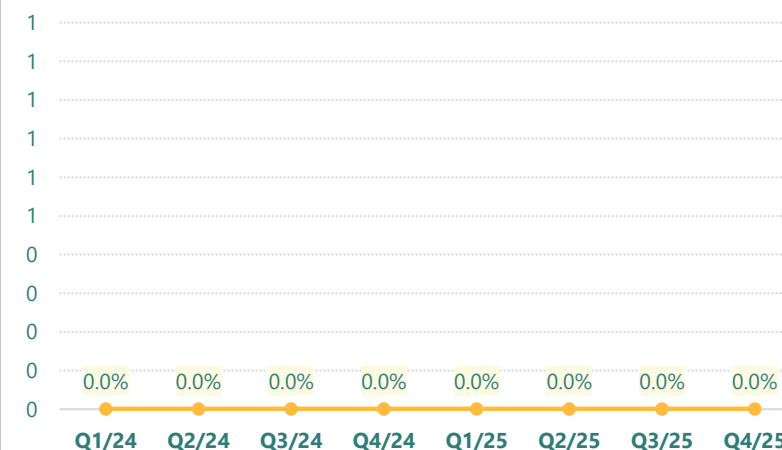


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

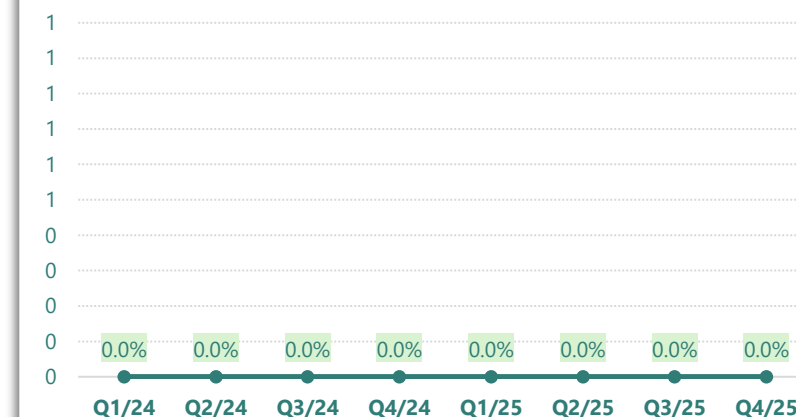


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



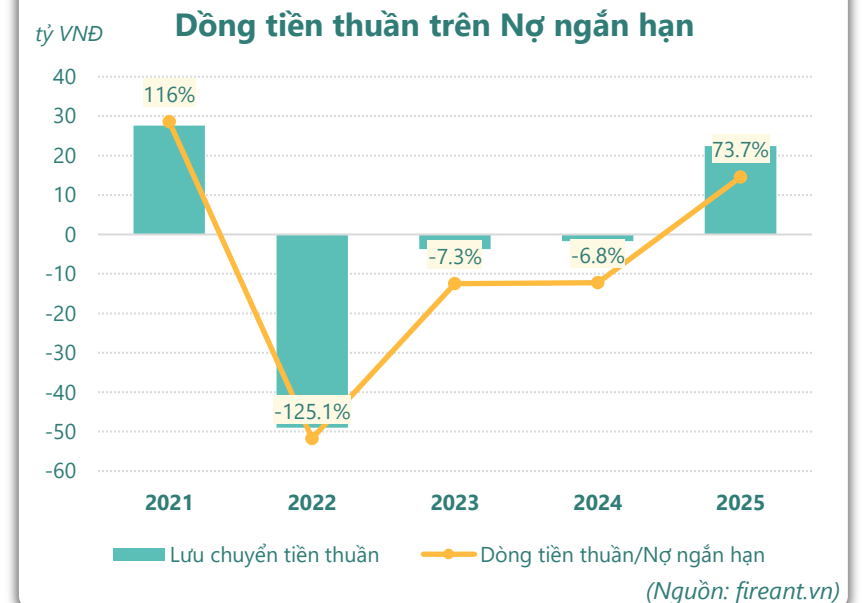
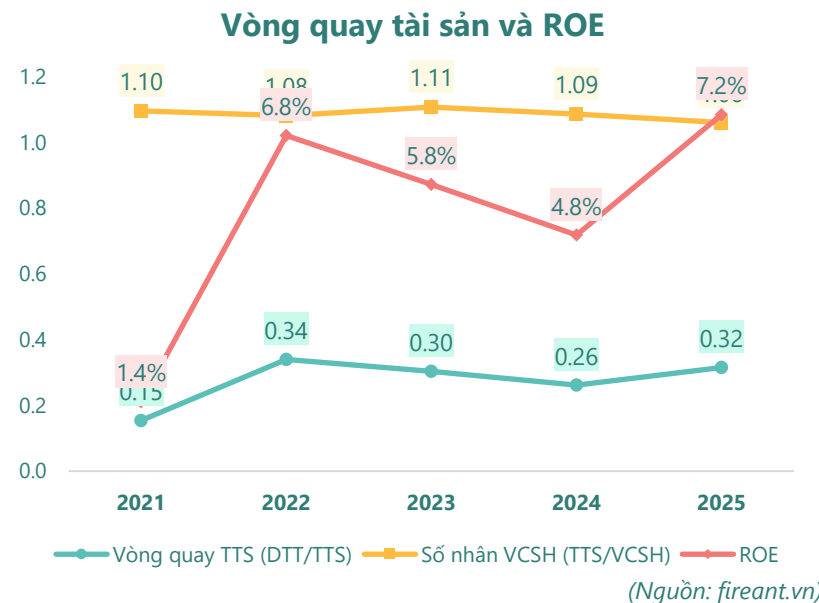
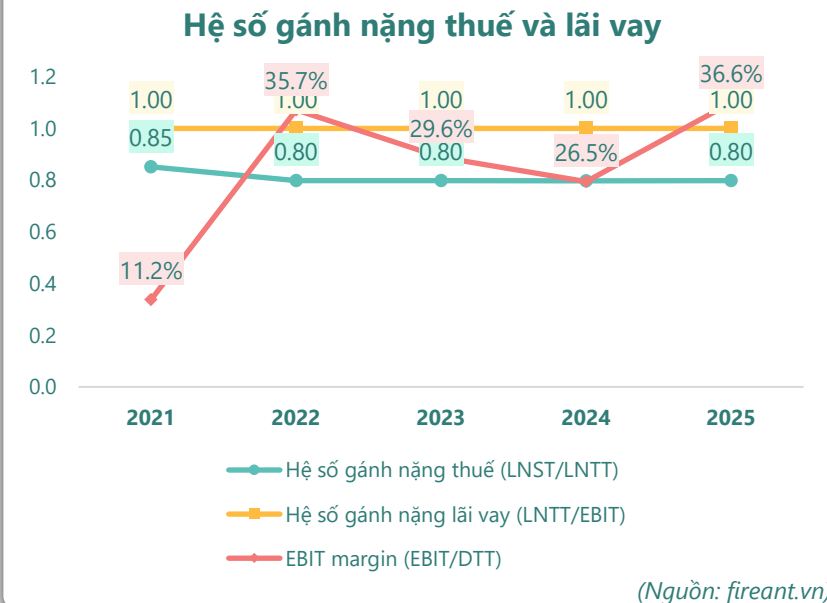
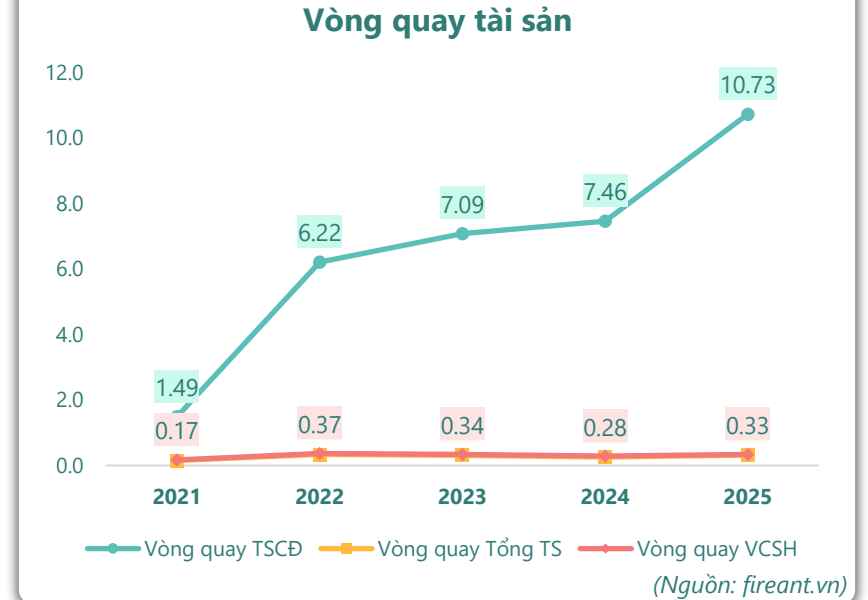
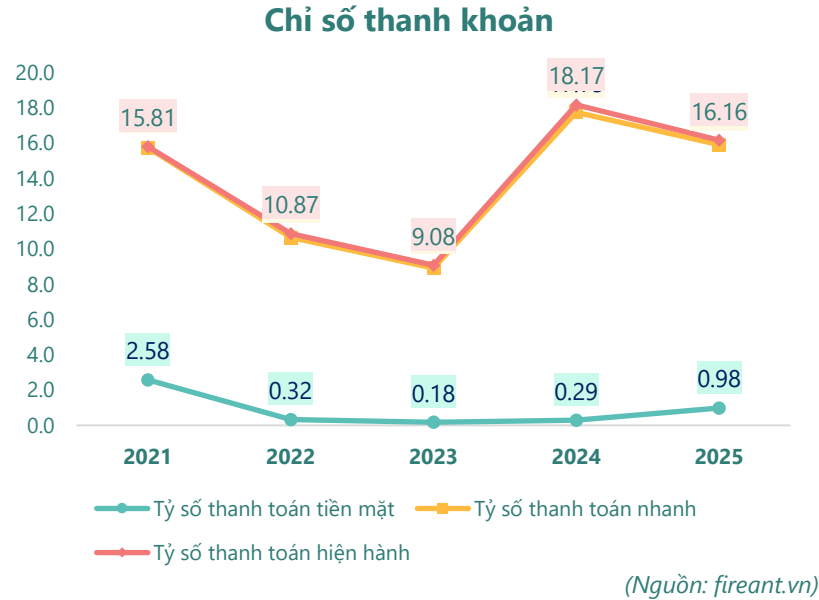
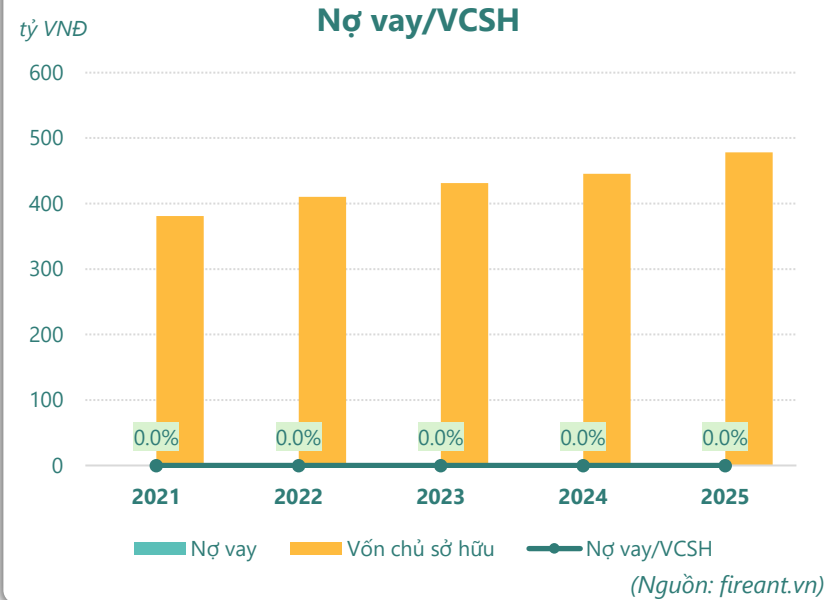
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	27.6	21.9	26.0%	154	124	24.0%
Giá vốn hàng bán	28.2	24.2	16.5%	117	108	8.2%
Lợi nhuận gộp	-0.60	-2.27	73.5%	37.6	16.5	128%
Doanh thu HĐTC	6.79	6.50	4.4%	26.7	26.3	1.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.49	0.40	23.0%	1.76	2.54	-31.0%
Chi phí QLDN	3.30	3.48	-5.1%	11.5	11.0	3.8%
LN thuần từ HĐKD	2.39	0.35	584%	51.1	29.2	74.8%
Lợi nhuận khác	1.56	1.59	-1.7%	5.48	3.76	45.7%
LN trước thuế	3.96	1.94	104%	56.5	33.0	71.5%
Lợi nhuận sau thuế	3.14	1.53	105%	45.1	26.3	71.8%
LNST của CĐ cty mẹ	3.14	1.34	135%	33.4	21.0	59.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.25	-14.2	10.1	1.62	4.12	8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.52	18.3	-6.73	0.99	8.73	7.65
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-12.2	0	0	-0.01	-12.3
Tiền đầu kỳ	13.3	15.5	7.28	10.6	13.2	26.1
Lưu chuyển tiền thuần	2.27	-8.24	3.36	2.61	12.8	3.64
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.5	7.28	10.6	13.2	26.1	29.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	509	470	8.2%
Tài sản ngắn hạn	492	451	9.1%
Tiền và tương đương tiền	29.7	7.28	308%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.6	22.6	35.6%
Phải thu ngắn hạn	424	410	3.4%
Hàng tồn kho	7.84	10.5	-25.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	1.02	-76.4%
Tài sản dài hạn	16.7	19.1	-12.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	13.7	15.1	-9.1%
Bất động sản đầu tư	1.02	1.30	-21.8%
Tài sản dở dang	0.34	0.81	-58.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.68	1.88	-10.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	30.7	24.8	23.6%
Nợ ngắn hạn	30.4	24.8	22.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.94	10.3	-32.5%
Nợ dài hạn	0.23	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	478	445	7.4%
Vốn chủ sở hữu	478	445	7.4%
Vốn điều lệ	45.7	45.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.10	0.15	-32.6%

(Nguồn: fireant.vn)

